TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2019/HS-PT
Ngày 29 - 3 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thế Phương

Các Thẩm phán: Ông Đinh Quang Nghĩa

Ông Nguyễn Thành Lượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Xuân Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 342/2018/TLPT-HS ngày 10 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo Lê Thị T; do có kháng cáo của bị cáo và đại diện hợp pháp của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 147/2018/HS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- *Bị cáo kháng cáo*:

Lê Thị T, tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1993 tại Nghệ An. Hộ khẩu thường trú: Xóm A, xã Th, huyện Th1, tỉnh Nghệ An. Tạm trú: 12A, Lý Chiêu H1, phường X, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công nhân; Học vấn: 12/12; Con ông: Lê Văn H, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965;Gia đình có 03 anh chị em, bị can là con út; có chồng là Nguyễn Văn D, sinh năm 1992; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại điều tra (có mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại kháng cáo*:

+ Ông **Vi Văn V**, sinh năm 1967 - cha bị hại (*có mặt*) và bà **Hà Thị Th2**, sinh năm 1964 - mẹ bị hại (*vắng mặt*).

Cùng địa chỉ: Xóm 16, xã N, huyện N1, tỉnh Nghệ An;

+ Anh **Trần Đình P**, sinh năm 1994 - chồng bị hại (*xin xét xử vắng mặt*).

Hộ khẩu thường trú: Xóm Đ, xã Th3, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

Nơi ở hiện nay: 135, Xóm Đ1, xã V1, huyện Đ2, tỉnh Lâm Đồng.

Ngoài ra, vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, kháng nghị nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính của vụ án:

Khoảng 8 giờ 30 phút ngày 18/12/2017, Lê Thị T (có giấy phép lái xe theo quy định) điều khiển xe mô tô biển số 37E1-323.62 chở chị Vi Thị H ngồi phía sau lưu thông trên đường Đ theo hướng Khu công nghiệp B đi phường L1, thành phố B1. Khi đi đến trước Công ty TNHH Đầu tư và Công Nghệ L2 thuộc ấp N2, xã B 3, huyện Tr thì T thấy 02 người gồm 01 nam và 01 nữ (không rõ lai lịch, địa chỉ) đang đi bộ trên đường nhựa song song với nhau, cùng chiều phía trước T, người nam đi gần lề đường bên phải, người nữ đeo 01 ba lô đi bên trái người nam. Khi T điều khiển xe đến gần hai người đi bộ thì T bóp còi xe nhưng hai người đi bộ vẫn tiếp tục đi bộ bình thường, khi hai người đi bộ chưa đi sát vào lề đường thì T điều khiển xe vượt lên phía bên trái người nữ để vượt lên thì gương chiếu hậu, tay lái bên phải của xe mô tô do T điều khiển đã va đụng vào ba lô đang đeo bên vai trái người đi bộ nữ làm T mất thăng bằng, không làm chủ được tay lái nên T, chị H và xe mô tô ngã trượt về phía trước đường. Chị H bị ngã vào gầm xe ô tô biển số 60C-324.25 (xe chở phế liệu vượt quá tải trọng 60.91%) do anh Nguyễn Đình A điều khiển đang lưu thông đúng phần đường, cùng chiều với T đi đến, chị H bị bánh sau bên phải của xe ô tô đã cán qua đầu chết tại chỗ, T bị thương nhẹ.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 794/PC54-KLGĐPY ngày 28/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận: Nguyên nhân tử vong của chị Vi Thị H do chấn thương sọ não và hàm mặt nặng vỡ xương hộp sọ, xuất huyết màng não, dập não/gãy xương gò má, xương hàm.

- Tại Công văn giải thích cơ chế hình thành thương tích, dấu vết trên tử thi số: 27/CV-PC54 ngày 05/02/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai:

Qua phần nghiên cứu khám nghiệm bên ngoài và bên trong cơ thể nạn nhân. Khi phóng đại ảnh màn hình vi tính thì thấy:

+ Trên vải áo khoác ngoài thấy trầy rách đường chỉ vải áo vùng thân áo phía sau bên phải và nhiều vết hằn dính bẩn dạng vân bánh vùng vai-lưng.

+ Trên cơ thể nạn nhân phần xây sát bầm tím vùng sườn lưng, vai bên phải là do tác động của bánh xe qua lớp vải áo.

+ Tổn thương vùng đầu mặt là do bánh xe ô tô cán lên mũ bảo hiểm gây nên tổn thương gián tiếp làm vỡ xương hộp sọ, xuất huyết màng não, vỡ xương gò má, xương hàm.

- Tại bản kết luận giám định số: 11/KLGĐ-PC54 (Đ3) ngày 04/01/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận về vị trí, chiều hướng, cơ chế hình thành dấu vết va chạm giữa xe ô tô 60C-324.25 và xe mô tô 37E1-323.62 như sau: Không có đủ cơ sở kết luận giám định xe ô tô biển số 60C-324.25 và xe mô tô biển số 37E1-323.62 có sự va chạm với nhau trong quá trình xảy ra vụ việc. Hệ thống dấu vết trượt xước mài mòn ốp kim loại bảo vệ các chi tiết bên trái của xe mô tô biển số 37E1-323.62 hình thành do quá trình va chạm với mặt đường khi xe ngã.

Sau khi tai nạn xảy ra, Cơ quan điều tra Công an huyện Trảng Bom đã tiến hành khám nghiệm hiện trường và xác định được các dấu vết sau:

+ Vị trí xe ô tô 60C-324.25 dừng trên đường nhựa, đầu xe hướng về hướng đi thành phố B1. Đo từ tâm trục bánh xe trước bên phải xe ô tô tới mép lề đường bên phải là 2m.

+ Vết phanh xe ô tô 60C-324.25 dài 7.3m do bánh xe trước bên phải để lại trên mặt đường, đo từ đầu vết phanh đến mép lề chuẩn là 2.1m.

+ Vị trí xe mô tô 37E1-323.62 ngã nghiêng bên trái trên mặt đường nhựa, đầu xe hướng về thành phố B1. Đo từ tâm trục bánh trước xe mô tô tới mép lề đường bên phải là 0.5m, đo từ tâm trục bánh sau xe mô tô tới mép lề đường bên phải là 7m.

+ Vết cày xe mô tô dài 5.2m nằm trên mặt đường nhựa đo từ dấu vết cày đến mép lề chuẩn là 1.7m.

+ Vị trí nạn nhân nằm úp trên mặt đường nhựa đầu hướng về tim đường, đo từ đầu nạn nhân tới mép lề chuẩn là 2.1m, đo từ lòng bàn chân đến mép lề chuẩn là 0.8m. Đo từ lòng bàn chân đến trục bánh sau xe mô tô là 0.4m.

Trên cơ sở kết quả khám nghiệm hiện trường đã xác định được nguyên nhân xảy ra vụ tai nạn giao thông là do Lê Thị T điều khiển xe mô tô 37E1-323.62 không làm chủ tay lái, khi điều khiển xe mô tô vượt qua người đi bộ đang đi trên đường phía trước không đảm bảo an toàn nên đã va đụng vào người đi bộ làm chị H té ngã vào gầm xe ô tô 60C-324.25 do ông Nguyễn Đình A điều khiển (đi cùng chiều, đúng phần đường) cán lên đầu chị H làm chết chị H.

Ngày 08/6/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Lê Thị T để điều tra theo quy định. Quá trình điều tra bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Sau khi tai nạn xảy ra, bị cáo T đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho gia đình nạn nhân.

Xử lý vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại xe ô tô biển số 60C-324.25, cùng giấy đăng ký xe, kiểm định xe, bảo hiểm xe của ô tô, giấy phép lái xe ô tô và hàng sắt phế liệu cho ông Nguyễn Đình A, trả xe mô tô biển số 37E1-323.62 cho Lê Thị T.

Đối với Giấy phép lái xe số 751124011385 của Lê Thị T đề nghị Tòa án xử lý theo quy định.

Về dân sự: Sau khi tai nạn xảy ra, ôngNguyễn Đình A đã hỗ trợ cho gia đình chị Vi Thị H số tiền 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*), bị cáo Lê Thị T bồi thường cho gia đình chị Vi Thị H số tiền 8.000.000 đồng (*tám triệu đồng*). Gia đình chị Vi Thị H đã làm đơn bãi nại và cam kết không có yêu cầu gì khác về dân sự.

2. Quyết định của cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 147/2018/HS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, đã quyết định như sau:

Tuyên bố bị cáo Lê Thị T phạm tội "*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*".

1. Áp dụng khoản 1 Điều 202, điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009): Xử phạt bị cáo Lê Thị T: 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại tạm giam chấp hành bản án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015: Trả lại giấy phép lái xe số 751124011385 mang tên Lê Thị T cho bị cáo Lê Thị T ngay sau khi tuyên án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

3. Kháng cáo:

Ngày 09/11/2018, bị cáo Lê Thị T kháng cáo đề nghị xin được hưởng án treo.

Ngày 12/11/2018, đại diện hợp pháp của bị hại là anh Trần Đình P, ông Vi Văn V, bà Hà Thị Th2 kháng cáo đề nghị xem xét miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

4. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên đã đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án, kết luận cấp sơ thẩm giải quyết là có cơ sở và phù hợp; đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với mô tả và nhận định trong bản án của cấp sơ thẩm.

Khoảng 8 giờ 30 phút ngày 18/12/2017, Lê Thị T điều khiển xe mô tô biển số 37E1-323.62 chở chị Vi Thị H ngồi phía sau lưu thông trên đường Đ theo hướng Khu công nghiệp B đi phường L1, thành phố B1. Khi đi đến trước Công ty TNHH Đầu tư và Công Nghệ L2 thuộc ấp N2, xã B 3, huyện Tr thì T thấy 02 người đang đi bộ trên đường nhựa song song với nhau, cùng chiều phía trước. Khi điều khiển xe vượt lên phía bên trái người đi bộ, do không làm chủ được tay lái nên T đã để cho gương chiếu hậu bên phải của xe mô tô do T điều khiển va đụng vào ba lô đang đeo bên vai trái người đi bộ làm T mất thăng bằng làm cho T, chị H và xe mô tô ngã trượt về phía trước đường. Chị Vi Thị H bị ngã vào gầm xe ô tô biển số 60C-324.25 do ông Nguyễn Đình A điều khiển đang lưu thông đúng phần đường, cùng chiều với xe mô tô do T điều khiển và bị bánh sau bên phải của xe ô tô đã cán qua đầu chết tại chỗ. Hành vi nêu trên của bị cáo T vi phạm khoản 23 Điều 8 Luật giao thông đường bộ, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*" theo quy định tại khoản 1 Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Như vậy, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ" theo quy định tại khoản 1 Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Cấp sơ thẩm đã xem xét cho bị cáo thành khẩn khai báo, ăn ăn hối cải; bồi thường thiệt hại; nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; gia đình bị hại có đơn bãi nại và xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo; có ông nội là người có công với cách mạng, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Bị cáo kháng cáo xin cho hưởng án treo, đại diện hợp pháp của bị hại kháng cáo thiết tha đề nghị xem xét miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Xét thấy, hồ sơ thể hiện trong vụ án này thì hai người đi bộ (Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra thông báo tìm nhưng không tìm thấy) cũng có lỗi khi đi bộ dưới lòng đường, có tín hiệu (bấm còi) của xe mô tô bị cáo điều khiển nhưng không di chuyển vào trong lề đường để tránh, dẫn đến khi xe mô tô của bị cáo đi đến né tránh không kịp nên kính chiếu hậu vướng vào ba lô đang mang trên vai trái của người đi bộ làm xe của bị cáo đang điều khiển mất thăng bằng ngã ra phía trái đường, cấp sơ thẩm chưa xem xét đến tình tiết này. Hơn nữa, trong vụ án này thì bị cáo T là bạn bè thân thiết với bị hại, bị cáo chở giúp bị hại đi làm thẻ ATM nhưng trên đường đi không may xảy ra tai nạn. Hiện tại, từ sau vụ tai nạn xảy ra, bị cáo cố gắng làm việc, hàng tháng bị cáo đều gửi 1.000.000 đồng về phụ giúp gia đình bị hại nuôi cháu bé con của bị hại, tại phiên tòa phúc thẩm ông Vi Văn V (cha ruột của bị hại) trình bày xác nhận việc bị cáo T hàng tháng đều gửi tiền về phụ giúp gia đình nuôi cháu bé con của bị hại và thiết tha đề nghị Tòa không áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo T, để T còn có điều kiện tiếp tục lao động bình thường hỗ trợ gia đình ông nuôi cháu.

Từ những tình tiết nêu trên, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại, áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho bị cáo được hưởng án treo.

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Xét quan điểm của đại diện của Viện kiểm sát: Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa về tội danh có cơ sở. Riêng quan điểm đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại là không phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm b, Khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị T và đại diện hợp pháp của bị hại về phần hình phạt.

1. Quyết định hình phạt: Căn cứ vào khoản 1 Điều 202, điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị T 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (Hai) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm, về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ".

2. Giao bị cáo Lê Thị T cho Ủy ban nhân dân Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

3. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an huyện huyện Trảng Bom;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Trảng Bom;
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tr;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Ủy ban nhân dân Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thế Phương